

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ
NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày..... tháng..... năm.....)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị ngân hàng để: (i) bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) và (ii) đảm bảo Techcombank hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Techcombank và các chuẩn mực, thông lệ tốt nhất trong hoạt động kinh doanh ngân hàng nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.
2. Quy chế này áp dụng đối với các bộ phận trong bộ máy tổ chức của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam được quy định tại Điều lệ Techcombank, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các bộ phận liên quan khác của Techcombank.

Điều 2. Các nguyên tắc quản trị cơ bản

Quy chế này được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc quản trị cơ bản sau:

1. Tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ của Techcombank;
2. Đảm bảo cơ chế quản trị, điều hành Techcombank công khai, minh bạch, hiệu quả, tuân thủ quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam từng thời kỳ và hướng tới thông lệ, chuẩn mực quốc tế;
3. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
4. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
5. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
6. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
7. Công khai minh bạch mọi hoạt động của Techcombank.

Điều 3. Cơ cấu quản trị Ngân hàng

1. Cơ cấu quản trị Techcombank gồm có:
 - a. Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Hội đồng quản trị;
 - c. Ban kiểm soát;
 - d. Tổng giám đốc.
2. Hội đồng quản trị quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ Techcombank cũng có nghĩa tương tự như trong Quy chế này.

CHƯƠNG II**CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG****Điều 5. Quyền hạn của cổ đông**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
 - b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông tại Techcombank. Trong trường hợp này, cổ đông sẽ được gửi thông báo chào bán có nêu số cổ phần chào bán và thời gian chấp nhận mua (không dưới 15 ngày). Trường hợp cổ đông không chấp nhận mua cổ phần mới, Hội đồng quản trị được quyền chào bán số cổ phần mới đó cho những người thích hợp khác theo những điều kiện và cách thức phù hợp nhưng không được thuận lợi hơn những điều kiện trước đó đã chào cho cổ đông.
 - d. Được chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông khác của Techcombank hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Techcombank và Quy chế này.
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác.
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của Techcombank, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - g. Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại tổ chức tín dụng khi tổ chức tín dụng giải thể hoặc phá sản.
 - h. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình.
 - i. Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và của Techcombank. Hội đồng quản trị qui định về thủ tục đề cử, ứng cử, thời hạn tiếp nhận đơn đề cử, ứng cử và các vấn đề khác liên quan.
 - j. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước.
2. Cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng có thêm các quyền sau:
 - a. Đề cử, ứng cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Techcombank. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Techcombank.

- b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải lập bằng văn bản, trong đó có các nội dung gồm: họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề kiểm tra, mục đích kiểm tra.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật

Điều 6. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông của Techcombank phải thực hiện các nghĩa vụ sau:
 - a. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn do Techcombank quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Techcombank trong phạm vi số vốn đã góp vào Techcombank;
 - b. Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi ngân hàng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Techcombank;
 - c. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại Techcombank; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Techcombank; không được góp vốn, mua cổ phần của Techcombank dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;
 - d. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Techcombank;
 - e. Chấp nhận nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - f. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân dân Techcombank dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- g. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Techcombank và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư; nếu không cung cấp thông tin cho Techcombank, trong trường hợp Techcombank phát hiện ra chủ sở hữu thực sự, Techcombank có quyền đình chỉ các quyền cổ đông liên quan đến số cổ phần không công khai chủ sở hữu thực sự.

Điều 7. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Techcombank.
2. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Trụ sở chính của Techcombank trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông;
 - b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Techcombank;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;
 - d. Số cổ phần được ủy quyền đại diện;
 - e. Thời hạn đại diện theo ủy quyền;
 - f. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

Điều 8. Cuộc họp đại hội đồng cổ đông

1. Techcombank tiến hành trình tự, thủ tục triệu tập họp, tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ của Techcombank và Quy chế này
 - a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Thông báo triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu)
 - e. Cách thức phản đối Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- f. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng;
 - h. Các vấn đề khác
2. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp
Danh sách cổ đông có quyền dự họp:
 - a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Techcombank. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - b. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
 - c. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
 3. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông
Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc, cụ thể như sau:
 - b. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Techcombank; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp.
 - c. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc địa chỉ liên lạc khác mà cổ đông đăng ký trước với Techcombank;
 - d. Thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Techcombank đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.
 - e. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
 4. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông
 - a. Cổ đông có thể xác nhận việc tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức sau: gửi giấy xác nhận tham dự họp Đại hội đồng cổ đông đến Techcombank, xác nhận với

người được ghi tên thay mặt Techcombank tiếp nhận xác nhận tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trên thông báo mời họp qua điện thoại, thư điện tử hoặc fax hoặc hình thức khác được ghi trên thông báo mời họp.

- b. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo uỷ quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều 45 Điều lệ của Techcombank thì uỷ quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Techcombank và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
- Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;
 - Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
 - Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.
5. Thể thức biểu quyết thông qua các nội dung của cuộc họp
- a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Techcombank sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, tên của cổ đông và người đại diện uỷ quyền và số phiếu biểu quyết mà cổ đông đó có. Biểu quyết tại Đại hội sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ tán thành một quyết định và sau đó thu số thẻ phủ quyết quyết định đó, và sau đó đếm tổng số phiếu biểu quyết. Tổng số phiếu ủng hộ một vấn đề, phủ quyết một vấn đề, hoặc không biểu quyết, sẽ được chủ tọa thông báo ngay sau khi biểu quyết một quyết định.
- b. Việc biểu quyết cũng có thể tiến hành bằng cách giơ tay nếu được Đại hội đồng cổ đông nhất trí, khi đó người chịu trách nhiệm kiểm phiếu sẽ căn cứ danh sách các cổ đông dự họp và số phiếu được uỷ quyền để xác định tổng số phiếu được biểu quyết. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì chủ tọa sẽ chọn những người đó.
- c. Các cổ đông đến Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội đó để cho những cổ đông này đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình

họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

- d. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu từng vấn đề làm việc của Đại hội đồng cổ đông được trưởng ban kiểm phiếu báo cho Chủ tọa cuộc họp/Người điều hành biểu quyết đọc tại cuộc họp.
- e. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo nguyên tắc sau:
 - Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
 - Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường họp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ của Techcombank.
6. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Techcombank hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Techcombank có quyền yêu cầu Techcombank mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Techcombank mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Techcombank trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
7. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải thể hiện rõ các nội dung quy định tại Điều lệ Techcombank và diễn biến của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin trên Website của Techcombank trong thời hạn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên Website của Techcombank.
8. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; Techcombank thực hiện gửi nghị quyết bằng việc đăng tải lên Website của Techcombank.
9. Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông một cách họp lý, bố trí thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

10. Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán có thể được mời tham dự họp Đại hội đồng cổ đông để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề kiểm toán.
11. Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Techcombank cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
12. Hàng năm, Techcombank phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
13. Các nguyên tắc, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ của Techcombank.

Điều 9. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Techcombank, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Techcombank;
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);
 - d. Hoạt động của các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
 - e. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;
 - f. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
 - g. Các kế hoạch trong tương lai.
2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát
Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Techcombank;
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
 - c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Techcombank;

- d. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và các người điều hành khác;
- e. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau

- 1. Không thuộc đối tượng quy định sau:
 - a. Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
 - b. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án.
 - c. Người đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng trở lên.
 - d. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích.
 - e. Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phó phòng trở lên trong các doanh nghiệp nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Techcombank.
 - f. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của nhà nước tại Techcombank.
 - g. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng.
 - h. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng giám đốc), Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
 - i. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó.
 - j. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc

của ngân hàng theo quy định tại Điều 37 Điều lệ này hoặc bị cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan pháp luật xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc ngân hàng bị thu hồi Giấy phép.

2. Có đạo đức nghề nghiệp.
3. Có bằng đại học trở lên và có ít nhất ba (03) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất năm (05) năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại cổ phần hoặc có ít nhất năm (05) năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.
4. Đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập, ngoài những tiêu chuẩn, điều kiện nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập như sau:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho chính tổ chức tín dụng hoặc Công ty con của của tổ chức tín dụng đó hoặc đã làm việc cho chính tổ chức tín dụng hoặc Công ty con của tổ chức tín dụng đó trong ba (03) năm liền kề trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương và thù lao, phụ cấp khác của tổ chức tín dụng ngoài những khoản được hưởng theo tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng hoặc Công ty con của tổ chức tín dụng;
 - d. Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Techcombank;
 - e. Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng tại bất kỳ thời điểm nào trong năm (05) năm liền kề trước đó.

Điều 11. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

- a. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp theo quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ của Techcombank.
- b. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- c. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông được

quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Cách thức giới thiệu ứng viên và bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị phải thỏa mãn điều kiện và tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 10 Quy chế này và điều kiện, tiêu chuẩn được quy định tại Điều lệ của Techcombank.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Điều 13. Các trường hợp và thông báo về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm:
 - a. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế.
 - b. Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Techcombank.
 - c. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với thành viên Hội đồng quản trị) của Ban kiểm soát (đối với thành viên Ban kiểm soát) trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - d. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 29, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 Điều lệ của Techcombank và pháp luật có liên quan.
 - e. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập.
 - f. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Techcombank và theo quy định của pháp luật.
 - g. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; Tổng giám đốc của Techcombank phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
 - h. Trong thời hạn mười ngày (10) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của Techcombank phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 14. Thành phần và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Techcombank. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Techcombank.

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Techcombank, có toàn quyền nhân danh Techcombank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Techcombank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị phải có không ít hơn 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không phải là người điều hành và thành viên độc lập tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới tiếp quản công việc.
4. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được chiếm quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của nhà nước
5. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ hai phần ba (2/3) so với tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và quy định của Điều lệ của Techcombank thì trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên theo quy định, Techcombank phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định.
6. Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của Techcombank để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
7. Hội đồng quản trị có Thư ký để giúp việc cho Hội đồng quản trị. Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký do Hội đồng quản trị quy định.
8. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Hội đồng quản trị quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp theo quy định pháp luật.
9. Hội đồng quản trị thành lập các Ủy ban/Hội đồng để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều lệ của Techcombank và theo quy định của pháp luật. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban/Hội đồng này do Hội đồng quản trị quy định phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước.
10. Trường hợp có thay đổi thông tin về họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của bất kỳ thành viên nào trong Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát

hoặc kiểm soát viên và Tổng giám đốc, Techcombank phải thực hiện báo cáo thay đổi thông tin với cơ quan đăng ký kinh doanh nơi có trụ sở chính trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có thông tin thay đổi.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị

Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 55 Điều lệ của Techcombank, ngoài ra, Hội đồng quản trị có trách nhiệm sau:

1. Hội đồng quản trị xây dựng chi tiết các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và trình tự tổ chức họp Hội đồng quản trị
2. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát và Tổng giám đốc và các Người điều hành khác của Techcombank gồm các nội dung chính sau:
 - a. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ:
 - Các tiêu chuẩn để lựa chọn Tổng giám đốc
 - Việc bổ nhiệm Tổng giám đốc
 - Ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc
 - Các trường hợp miễn nhiệm Tổng giám đốc
 - Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc
 - b. Quy trình phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc
 - Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc
 - Thông báo quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc và Ban kiểm soát
 - Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị
 - Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao
 - Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc
 - Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
 - Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và thành viên Ban kiểm soát theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên.

Điều 16 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Quy định về họp và các hình thức họp:
 - a. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền triệu tập.
 - b. Phiên họp định kỳ: Hội đồng quản trị họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần.

- c. Địa điểm họp: Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính hoặc ở các nơi khác.
- d. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa tất cả hoặc một số thành viên Hội đồng quản trị đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác nhau cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.
 - Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
 - Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Điều lệ của Techcombank
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tửTrường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
3. Quy định về cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị:

Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
4. Quy định về cuộc họp bất thường thường của Hội đồng quản trị
Chủ tịch Hội đồng quản trị họp bất thường khi xét thấy cần thiết hoặc có một trong các trường hợp sau:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Người có thẩm quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vấn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch uỷ quyền phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị theo quy định tại Khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được uỷ quyền không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với ngân hàng, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ quy định cụ thể các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp.
7. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 17. Điều kiện tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng quản trị có quyền uỷ quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được uỷ quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người được uỷ quyền dự họp không được biểu quyết.

Điều 18. Thông báo và chuẩn bị nội dung họp, hình thức tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp được xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp có tài liệu, văn bản sử dụng tại cuộc họp.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Techcombank.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, các cán bộ quản lý, các chuyên viên khác có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 19. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
 - c. Thời gian, địa điểm họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Các quyết định đã được thông qua;
 - i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.
2. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng một thứ tiếng nước ngoài (bằng tiếng Anh) và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì nội dung trong bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
3. Chủ tọa, thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chậm nhất sau bảy (07) ngày kể từ ngày họp Hội đồng quản trị, Ban Trợ lý Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp cho tất cả các thành viên tham dự.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Techcombank.

Điều 20. Quyết định thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo uỷ quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của người chủ tọa cuộc họp.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Hội đồng quản trị quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Hội đồng quản trị khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

Điều 21. Tổ chức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.
2. Ban Trợ lý Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Techcombank;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến;
 - e. Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Techcombank;
 - g. Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về Techcombank theo quy định của Techcombank.
5. Thư ký Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Techcombank;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
 - c. Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
 - e. Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.
6. Thư ký Hội đồng quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị

bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Techcombank.
9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 22. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Ủy ban/Hội đồng để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều lệ Techcombank và theo quy định của pháp luật. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban/Hội đồng này do Hội đồng quản trị quy định phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước.
2. Việc thành lập và hoạt động của các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị gồm các nội dung sau:
 - a. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị
 - b. Cơ cấu của các ủy ban
 - c. Tiêu chuẩn thành viên của ủy ban, chủ tịch ủy ban
 - d. Việc thành lập ủy ban
 - e. Trách nhiệm của các ủy ban và từng thành viên

Điều 23. Người phụ trách quản trị Techcombank

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Techcombank để hỗ trợ hoạt động quản trị Techcombank được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Techcombank khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

Điều 24. Các tiêu chuẩn đối với Người phụ trách quản trị Techcombank

Người phụ trách quản trị Techcombank phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Techcombank. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Techcombank.

- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Techcombank;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Techcombank và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Techcombank

Ngoài các quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Techcombank được quy định trong Điều lệ của Techcombank (nếu có) thì Người phụ trách quản trị Techcombank còn có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Techcombank và cổ đông
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp
- d. Tham dự các cuộc họp
- e. Tư vấn thủ tục lập các quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Techcombank
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Techcombank
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Techcombank

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 26. Ban Kiểm soát và cơ cấu Ban Kiểm soát

- 1. Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 2. Ban Kiểm soát của Techcombank có tối thiểu ba (03) thành viên, trong đó có một (01) Trưởng ban và có ít nhất một phần hai (1/2) số thành viên là thành viên chuyên trách không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.
- 3. Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc và được sử dụng Kiểm toán nội bộ của Techcombank, được sử dụng các nguồn lực của Techcombank, được thuê chuyên gia

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Techcombank. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Techcombank.

và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.

4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ. Trường hợp có thành viên được bổ sung hoặc thay thế thành viên bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát.
5. Trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng thành viên được bầu khi bắt đầu nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, Techcombank phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định.

Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban Kiểm soát

1. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 29 Điều lệ Techcombank;
2. Có đạo đức nghề nghiệp.
3. Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong ngành tài chính ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
4. Không phải là người có liên quan của người quản lý Techcombank;
5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm (đối với thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách).
6. Không thuộc đối tượng không được đảm nhiệm, không cùng đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 33, Điều 34 Điều lệ Techcombank.
7. Các vấn đề khác liên quan đến việc ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Ban kiểm soát gồm các nội dung chính sau:
 - a. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ của Techcombank
 - b. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát được quy định chi tiết tại Điều lệ Techcombank
 - c. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát và thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được quy định tại Điều 36 Điều lệ Techcombank.

Điều 28. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Techcombank trong quản trị, điều hành Techcombank; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ

- đồng trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Ban hành Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát. Định kỳ hàng năm, xem xét lại Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.
 3. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Techcombank để thực hiện nhiệm vụ được giao.
 4. Thẩm định báo cáo tài chính sáu (06) tháng đầu năm và hàng năm của Techcombank, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
 5. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Techcombank khi thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn. Ban Kiểm soát triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu trên. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Techcombank.
 6. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý Techcombank theo quy định tại Điều lệ Techcombank và quy định pháp luật có liên quan, đồng thời yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
 7. Lập danh sách những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cổ đông sáng lập, cổ đông lớn của Techcombank, lưu giữ và cập nhật danh sách này.
 8. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ của Techcombank.
 9. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của Điều lệ Techcombank và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của Techcombank.
 10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ
 11. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ của Techcombank và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 29. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát

1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Techcombank.
2. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.
3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.
4. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Techcombank.
5. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát theo Quy định nội bộ của Techcombank.
8. Đảm bảo các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét.
9. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.
10. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.
11. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Techcombank và quy định pháp luật.

Điều 30. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Techcombank và Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Techcombank và cổ đông.
2. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát.
3. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường.
4. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm nếu có.
5. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Techcombank cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
6. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình.

7. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
8. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ của Techcombank và quy định pháp luật.

Điều 31. Cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản của thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
2. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - Ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị;
 - Trưởng Ban kiểm soát;
 - Ít nhất hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát trở lên;
 - Tổng Giám đốc;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
3. Ban Kiểm soát ban hành quy định nội bộ về các nội dung khác (ngoài các nội dung nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này) có liên quan đến cuộc họp Ban kiểm soát (thể thức thông báo, triệu tập họp, thể thức tổ chức cuộc họp, biểu quyết, biên bản họp, lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản) trên cơ sở các quy định đối với cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Techcombank.

Điều 32. Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban kiểm soát có một phiếu biểu quyết.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp Ban kiểm soát, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
3. Thành viên Ban kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với Techcombank phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không. Nếu như sau khi Hợp đồng, giao dịch đã được ký kết mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

CHƯƠNG V BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 33. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban điều hành trong quản trị ngân hàng

1. Ban Điều hành gồm có Tổng giám đốc, Giám đốc khối, các chức danh và/hoặc nhân sự khác (Giám đốc Vùng, Trưởng văn phòng đại diện, ...) do Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng (NORCO) quyết định từng trường hợp cụ thể.
2. Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban Điều hành do Hội đồng quản trị quy định phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Techcombank và Quy chế này.

Điều 34. Nguyên tắc làm việc của Ban điều hành

Ban điều hành giải quyết công việc theo nguyên tắc sau:

1. Ban điều hành làm việc theo chế độ thủ trưởng, bảo đảm nguyên tắc dân chủ. Mọi hoạt động của Ban điều hành phải bảo đảm tuân thủ các quy định của Pháp luật và của Techcombank, trên cơ sở bảo đảm lợi ích của Techcombank.
2. Các thành viên Ban điều hành giải quyết công việc đúng thẩm quyền và phạm vi trách nhiệm, phân công công việc phù hợp, đảm bảo phát huy năng lực cá nhân cán bộ nhân viên đồng thời đảm bảo hiệu quả và năng suất công việc chung trong phạm vi Đơn vị phụ trách; chịu trách nhiệm về việc thi hành nhiệm vụ của mình và việc thi hành nhiệm vụ của cán bộ nhân viên thuộc quản lý của mình.
3. Mỗi thành viên, mỗi Đơn vị được giao thực hiện/phụ trách nhiều công việc; mỗi việc được giao cho một thành viên hoặc đơn vị phụ trách và chịu trách nhiệm chính. Trưởng Đơn vị được phân công công việc phải chịu trách nhiệm chính về công việc được phân công.
4. Mỗi thành viên Ban điều hành cần thiết lập các quy trình làm việc cụ thể tại Đơn vị nhằm nâng cao hiệu suất công việc, tuân thủ trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết công việc theo đúng các quy định của Techcombank. Tuân thủ chương trình, kế hoạch công tác của HĐQT, Chủ tịch HĐQT.
5. Bảo đảm sự phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc và trong mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và của Techcombank.

Điều 35. Nghĩa vụ của thành viên Ban điều hành

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ của Techcombank, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, Ủy ban/Hội đồng do HĐQT thành lập và các quy định khác có liên quan.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích của Techcombank.
3. Trung thành với lợi ích của Techcombank, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Techcombank, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Techcombank để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của Techcombank.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Techcombank. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Techcombank.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Techcombank về quyền lợi có thể gây xung đột mà họ có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi HĐQT đã xem xét và chấp thuận.
5. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với ngân hàng hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của ngân hàng.
6. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình theo quy định của pháp luật vay vốn ngân hàng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và của Techcombank.
7. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Techcombank và các văn bản có liên quan.

CHƯƠNG VI

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 36. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành phối hợp hoạt động theo các nguyên tắc sau:

1. Luôn vì lợi ích chung của Techcombank;
2. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật có liên quan và của Techcombank
3. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng nhau tháo gỡ vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 37. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành

1. HĐQT chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông/cổ đông, trước pháp luật về kết quả hoạt động của Techcombank và việc vi phạm pháp luật, vi phạm quy định nội bộ của Techcombank gây thiệt hại cho Techcombank.
2. HĐQT thực hiện nhiệm vụ quản trị Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ của Techcombank, Quy chế này và quy định nội bộ của Techcombank, phù hợp với quy định của pháp luật. HĐQT quyết định các vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Techcombank trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (không bao gồm các vấn đề Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền việc ra quyết định cho HĐQT) và các vấn đề xin chấp thuận của Ngân hàng nhà nước theo quy định của pháp luật.
3. HĐQT chỉ đạo Ban điều hành tổ chức triển khai đầy đủ các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông (thường niên và/hoặc bất thường trong nhiệm kỳ được bầu), các quy định của Điều lệ Techcombank, các quy định của pháp luật, việc thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Techcombank.
4. Tổng giám đốc Techcombank hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền chịu trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề nằm ngoài phạm vi thẩm quyền được giao.

5. HĐQT được quyền yêu cầu Ban điều hành và các Đơn vị báo cáo thực hiện công việc cung cấp thông tin, chấp hành chế độ báo cáo nhằm thực hiện chức năng quản trị, kiểm soát ngân hàng theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của Techcombank, phù hợp với quy định của pháp luật. Các thông tin, số liệu báo cáo, cung cấp cho Hội đồng quản trị phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, kịp thời, đầy đủ, phản ánh đúng tình hình hoạt động của Techcombank, phù hợp với yêu cầu quản trị ngân hàng, phù hợp với quy định của pháp luật.
6. Hội đồng quản trị tạo điều kiện để các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành được tham gia học tập, nâng cao trình độ, các hoạt động khảo sát thực tế trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành Techcombank. Việc tham gia các khóa học nghiệp vụ của thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành không được ảnh hưởng đến công việc chung của Techcombank.

Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự cuộc họp định kỳ hay bất thường của Hội đồng quản trị
2. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban kiểm soát được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Techcombank
3. Hội đồng quản trị bảo đảm rằng tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

Điều 39. Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, thành viên Ban điều hành, Người quản lý của Techcombank phải lương thiện, chí công vô tư, không gây mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân và lợi ích của Techcombank và có các nghĩa vụ:
 - a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ của Techcombank một cách trung thực, miễn cán vì lợi ích của Techcombank và cổ đông của Techcombank.
 - b. Không lạm dụng địa vị và quyền hạn, không sử dụng tài sản của Techcombank để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; không sử dụng thông tin, bí quyết, chiếm đoạt cơ hội kinh doanh; không được đem tài sản của Techcombank cho người khác; không sử dụng thông tin, bí quyết, chiếm đoạt cơ hội kinh doanh; không được đem tài sản

- của Techcombank cho người khác hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác, làm thiệt hại lợi ích của Techcombank.
- c. Thông báo đầy đủ, kịp thời, chính xác cho Techcombank về quyền lợi có thể xung đột mà họ có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ được sử dụng các cơ hội đó khi Hội đồng quản trị đã xem xét và chấp thuận.
 - d. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với Techcombank hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Techcombank.
 - e. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của Techcombank với các điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và của Techcombank.
 - f. Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi Techcombank thua lỗ.
 - g. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Techcombank, Quy chế này và quy định của pháp luật.
2. Các hợp đồng, giao dịch của Techcombank với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Techcombank; công ty con, công ty liên kết của Techcombank chỉ được ký kết, nếu đảm bảo thực hiện đúng theo quy định sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của Techcombank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký.
 - b. Đối với các hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Techcombank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
 3. Trường hợp hợp đồng được ký kết mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 2 Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Techcombank phải có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật và quy định của Techcombank.
 4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác của Techcombank phải công khai các lợi ích liên quan của họ với Techcombank theo đúng quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan; cụ thể:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành của Techcombank phải công khai các lợi ích liên quan của họ với ngân hàng, bao gồm:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 05% vốn điều lệ trở lên;
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và những người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc).
- b. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
- c. Techcombank phải công khai thông tin quy định tại Khoản 4 Điều này định kỳ hàng năm cho Đại hội đồng cổ đông của Techcombank và được niêm yết, lưu trữ tại trụ sở chính của Techcombank.

Điều 40. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan; Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải đảm bảo hợp đồng được ký bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải tiến hành công bố thông tin nội dung hợp đồng theo các quy định của pháp luật và quy định của Techcombank (nếu có).

CHƯƠNG VIII

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH CỦA TECHCOMBANK.

Điều 41. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành

1. Tùy thuộc vào quyết định của Hội đồng quản trị, việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành có thể được thực hiện theo một hoặc một số cách thức sau đây:
- a. Tự nhận xét đánh giá;
 - b. Đánh giá hoạt động định kỳ 06 tháng;
 - c. Đánh giá hoạt động hằng năm được tiến hành vào dịp cuối năm;
 - d. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm đột xuất
 - e. Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm
2. Hội đồng quản trị sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng Giám đốc sẽ tiến hành đánh giá các hoạt động của các chức danh do Ban điều hành bổ nhiệm.

Điều 42. Tiêu chí đánh giá hoạt động

Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành bao gồm:

1. Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc của cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị;
2. Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ của Techcombank, chủ trương, chính sách của Techcombank và quy định của pháp luật;
3. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm;
4. Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý công việc.
5. Đoàn kết, phối hợp trong Đơn vị với các Đơn vị và mức độ tin nhiệm với nhân viên.

Điều 43. Khen thưởng

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành có thành tích trong việc quản trị, điều hành Techcombank và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật và Techcombank.
2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Quy định thi đua khen thưởng của Techcombank tại từng thời kỳ.

Điều 44. Kỷ luật

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định khác có liên quan của pháp luật, Điều lệ của Techcombank và các quy định khác có liên quan của Techcombank, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và quy định của Techcombank.
2. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo Quy định khen thưởng, kỷ luật của Techcombank tại từng thời kỳ.

CHƯƠNG IX**XỬ LÝ VI PHẠM, HIỆU LỰC VÀ ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP****Điều 45. Xử lý vi phạm**

1. Khi thấy bất kỳ cán bộ, nhân viên nào của Techcombank (bao gồm cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành) có hành vi vi phạm Quy chế này, người phát hiện phải thông báo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát.

2. Mọi trường hợp vi phạm Quy chế này sẽ được Hội đồng quản trị xem xét và xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và quy định của Techcombank. Trong trường hợp hành vi vi phạm của người đó gây thiệt hại cho Techcombank, người vi phạm còn phải bồi thường thiệt hại cho Techcombank theo quy định.

Điều 46. Điều khoản chuyển tiếp

1. Người quản lý, người điều hành và các chức danh khác của Techcombank được bầu, bổ nhiệm trước ngày Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi năm 2017 có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định của Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi năm 2017 thì được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc có văn bản khác thay thế.
2. Các quy định về Người phụ trách quản trị Techcombank tại Quy chế này được áp dụng khi Techcombank trở thành công ty niêm yết.

Điều 47. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày.....
2. Trong trường hợp mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này với quy định của Điều lệ Techcombank về cùng một vấn đề, thì quy định của Điều lệ Techcombank sẽ được ưu tiên áp dụng.
3. Việc sửa đổi, bổ sung quy chế này do Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.
4. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, cán bộ nhân viên Techcombank có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.